

Số: 1079/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Công nghệ thông tin tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 54 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 14 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 (2015 – 2017)	K57 (2015 – 2019)	K58 (2016 – 2020)	Cộng
1	Công nghệ thông tin	01	04	34	39
2	Hệ thống thông tin quản lý	-	03	12	15

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 (2015-2018)	K58 (2016-2019)	K59 (2017-2020)	Cộng
1	Công nghệ thông tin	02	01	11	14

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Công nghệ thông tin và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



Trang Pí Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020

Theo Quyết định số 1079 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 9 năm 2020

Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55133475	Cao Minh Thiện	22/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNTT-2	2013-2017
2	57132430	Nguyễn Hoàng	18/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNTT-1	2015-2019
3	57131384	Tạ Lê Minh Quân	26/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNTT-2	2015-2019
4	57135027	Bùi Ngọc Quảng	20/02/1995	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNTT-2	2015-2019
5	57130174	Nguyễn Thị Hồng Trinh	01/01/1997	Quảng Nam	Nữ	Trung bình	57.CNTT-2	2015-2019
6	58131258	Nguyễn Tuấn Anh	25/11/1997	Hà Tĩnh	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
7	58131281	Nguyễn Tuấn Đạt	15/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
8	58131294	Nguyễn Minh Hải	14/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
9	58131296	Võ Trần Bảo Hiếu	16/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
10	58131303	Nguyễn Văn Hoàng	20/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
11	58131320	Hồ Chí Khang	24/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
12	58131335	Nguyễn Văn Linh	15/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
13	58130427	Nguyễn Thành Long	02/08/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
14	58131342	Trương Việt Minh	04/07/1987	Ninh Thuận	Nam	Giỏi	58.CNTT-1	2016-2020
15	58131362	Nguyễn Tấn Phát	17/03/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
16	58131369	Nguyễn Vinh Quang	16/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.CNTT-1	2016-2020
17	58131373	Nguyễn Văn Sinh	02/11/1997	Thanh Hoá	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
18	58133435	Trần Trương Ngọc Sơn	29/01/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
19	58131379	Lê Tuấn Tài	01/01/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
20	58131418	Đinh Thị Kim Thoa	20/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNTT-1	2016-2020
21	58131420	Phạm Thị Thu	24/06/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	58.CNTT-1	2016-2020
22	58131257	Nguyễn Tiến Anh	16/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNTT-2	2016-2020
23	58131288	Lê Nguyễn Huy Đức	18/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Xuất sắc	58.CNTT-2	2016-2020
24	58133214	Phạm Minh Hiếu	10/11/1997	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58.CNTT-2	2016-2020
25	58132753	Lê Quang Huy	06/05/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
26	58131338	Phan Thị Trúc Ly	08/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
27	58131355	Nguyễn Bá Nhã	03/03/1997	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
28	58131367	Phạm Duy Uyên	01/06/1998	Quảng Nam	Nữ	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
29	58131368	Nguyễn Hữu Quang	03/12/1998	Bình Thuận	Nam	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
30	58131375	Nguyễn Như Sơn	23/06/1998	Quảng Trị	Nam	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
31	58131380	Nguyễn Bá Tâm	13/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNTT-2	2016-2020
32	58131410	Nguyễn Châu Thắng	27/09/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
33	58131405	Nguyễn Văn Thành	01/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
34	58131407	Mai Dương Thảo	20/10/1998	Quảng Nam	Nam	Giỏi	58.CNTT-2	2016-2020
35	58133229	Trần Thị Thạch Thảo	16/04/1998	Quảng Trị	Nữ	Trung bình	58.CNTT-2	2016-2020
36	58131424	Nguyễn Phan Anh Thư	08/10/1998	Ninh Thuận	Nữ	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
37	57130925	Phan Anh Tiến	19/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
38	58131426	Trần Thị Ngọc Trâm	25/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
39	58131436	Nguyễn Xuân Việt	01/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNTT-2	2016-2020

Danh sách có 39 sinh viên

2. Hệ thống thông tin quản lý

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57132141	Nguyễn Ngọc Minh	18/07/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.TTQL	2015-2019
2	57137315	Nguyễn Hữu Phụng	25/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.TTQL	2015-2019
3	57130599	Phạm Thúc Quý	26/03/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.TTQL	2015-2019
4	58131119	Trần Thị Ngọc Anh	12/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TTQL	2016-2020
5	58131120	Nguyễn Xuân Bảo	10/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.TTQL	2016-2020
6	58131122	Phạm Quốc Cừu	29/12/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.TTQL	2016-2020
7	58131126	Nguyễn Vũ Quang Hào	10/08/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.TTQL	2016-2020
8	58131139	Đặng Phạm Hoàng Khánh	15/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TTQL	2016-2020
9	58131141	Đinh Thị Mỹ Linh	01/02/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.TTQL	2016-2020
10	58131334	Nguyễn Thị Trúc Linh	10/04/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.TTQL	2016-2020
11	58131150	Nguyễn Văn Quang	03/02/1998	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	58.TTQL	2016-2020
12	58131152	Nguyễn Diễm Quỳnh	18/03/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.TTQL	2016-2020
13	58131154	Võ Nhật Tân	01/09/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.TTQL	2016-2020
14	57137040	Trần Nguyễn Ngọc Tú	27/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	58.TTQL	2016-2020
15	58131157	Võ Thị Hồng Tuyết	20/07/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.TTQL	2016-2020

Danh sách có 15 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020

Theo Quyết định số 1079 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 9 năm 2020

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130357	Đinh Thành Đạt	10/10/1997	Bình Định	Nam	Khá	57C.CNTT	2015-2018
2	57160445	Nguyễn Tiến Hải	10/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.CNTT	2015-2018
3	58160532	Nguyễn Phúc Hào	15/02/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58C.CNTT	2016-2019
4	59160584	Phạm Minh Cường	20/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNTT-1	2017-2020
5	59169385	Nguyễn Vũ Đức Cường	28/11/1998	Gia Lai	Nam	Trung bình	59C.CNTT-1	2017-2020
6	59160602	Trương Gia Hân	10/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNTT-1	2017-2020
7	59160603	Đỗ Nguyễn Anh Hào	29/06/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Trung bình	59C.CNTT-1	2017-2020
8	59160738	Lê Trung Tiến	16/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59C.CNTT-1	2017-2020
9	59160781	Đặng Nhật Vỹ	12/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	59C.CNTT-1	2017-2020
10	59160586	Nguyễn Ngọc Đại	13/12/1995	Khánh Hòa	Nam	Khá	59C.CNTT-2	2017-2020
11	59160646	Nguyễn Thành Lâm	22/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59C.CNTT-2	2017-2020
12	59160677	Diệp Bảo Nhật	19/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59C.CNTT-2	2017-2020
13	59160680	Nguyễn Thiện Minh Như	04/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.CNTT-2	2017-2020
14	59160730	Quảng Mậu Thọ	01/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNTT-2	2017-2020

Danh sách có 14 sinh viên

Handwritten signature